TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 03-7-2024
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Điệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà*:** Bà Ngô Thị Liễn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị X, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: Luật sư Phan Minh B, sinh năm 1975 và Luật sư Đoàn Thị M; công tác tại: Công ty Luật TNHH F; địa chỉ: 07 Q, thành phố Z, tỉnh Thừa Thiên Huế. Luật sư Phan Minh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Luật sư Đoàn Thị M, có mặt.

Bị đơn: Bà Dương Thị Y, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 16/02/2024), có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lương C, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Lương Y, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2023), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lương Y, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lương T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lương M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương T và ông Lương M: Ông Lương Y, sinh năm, 1968; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 17/01/2024), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lương D, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn V, huyện N, tỉnh Khánh Hoà, có mặt.

- Ông Lương B, sinh năm 1979; địa chỉ: 37/5/5 HB, phường PT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hoà, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Lương Thị Kim N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn TA, xã PN, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lương Duy T, sinh năm 1983; địa chỉ: 218B, Khu tập thể ĐĐ, phường PN, thành phố Z, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Dương Văn H; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Văn H; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai.

- Ông Dương Hữu L, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Dương Thị Đ, sinh năm: 1954; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023, biên bản hòa giải ngày 17/01/2024, ý kiến trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X trình bày: Năm 1976, vợ chồng bà X có mua một thửa đất, có diện tích khoảng 3.600m^2 của bà Dương Thị Lai (bà L đã chết vào năm 2014) ở Thôn A, xã B, huyện C, đất không có giấy tờ. Sau khi mua đất, vợ chồng bà cùng các con là Lương C, Lương Y, Lương T, Lương D, Lương M, Lương B, Lương Thị Kim N và Lương Duy T đã làm nhà ở và canh tác ổn định trên mảnh đất này từ đó cho đến nay không có tranh chấp với ai. Sau đó, gia đình bà đã làm thủ tục đăng ký đất tại Uỷ ban nhân dân xã B. Ngày 07/9/2001, hộ gia đình bà được Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0149/QSDĐ/313/QĐ-UB tại thửa số 322, tờ bản đồ số 5 với diện tích 883m^2. Diện tích đất còn lại mặc dù gia đình bà đã kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã tiến hành đo đạc thửa đất còn lại này với diện tích 2.708m^2, thửa đất 602, tờ bản đồ số 7 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng xảy ra tranh chấp với bà Dương Thị Y nên hiện đang tạm dừng. Bà Dương Thị Y là cháu của bà Dương Thị L (bà Y gọi bà L là cô ruột), bà Y đã rời quê hương đi làm ăn và sinh sống ổn định tại huyện G, tỉnh Quảng Trị từ trước năm 1976 cho đến nay. Từ khi gia đình bà mua đất làm nhà và sinh sống cho đến nay bà Y không có ý kiến gì và cũng không có ai tranh chấp với gia đình bà. Đến năm 2021, bà Y về quê đòi gia đình bà phải trả lại mảnh đất này với lý do nguồn gốc thửa đất đang tranh

chấp là của ông, bà nội bà Y chia cho bố đẻ của bà Y. Bà L là em gái của bố đẻ bà Y đã mượn đất của gia đình bà Y để sản xuất nhưng không trả lại đất cho gia đình bà Y mà tự ý bán đất của gia đình bà Y cho gia đình bà X nên bà Y yêu cầu gia đình bà X phải trả lại toàn bộ diện tích đất cho bà Y. Đồng thời bà Y có đơn gửi Uỷ ban nhân dân xã Triệu B, huyện C giải quyết. Uỷ ban nhân dân xã B đã tiến hành hoà giải hai lần nhưng không thành. Nay bà X đề nghị Tòa án nhân dân huyện C xem xét giải quyết: Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Dương Thị X tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7, có diện tích theo kết quả Tòa án đã thẩm định thực tế ngày 21/02/2024 là 2.681,5m^2, địa chỉ thửa đất tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Đồng thời buộc bà Dương Thị Y chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 17/01/2024, biên bản hòa giải ngày 17/01/2024, ý kiến trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Dương Thị Y và người đại diện theo ủy quyền của bà Y trình bày: Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp với bà X là do ông bà, bố mẹ bà Y khai hoang để trồng trọt, sau đó giao lại cho bà Lai (bà L là Cô ruột của bà Y). Năm 1976 bà L có cho bà X mượn một mãnh đất bên cạnh nhà bà Hồ Thị K để làm nhà ở (bà K đã chết vào đầu tháng 01/2024). Đối với thửa đất đang tranh chấp để trồng khoai, đậu, trồng dương, tràm; thửa đất này bà L không bán cho bà X mà chỉ cho bà X mượn một phần nhỏ để trồng khoai cho con cái ăn, phần còn lại bà L vẫn trồng trọt cho đến khi đau yếu và chết. Khi cho mượn bà L nói với bà Y, mẹ bà Y (là bà Lê Thị C hiện đã chết), em bà là bà Lê Thị Đ rằng: bà L có cho bà X mượn một phần đất để trồng khoai cho con cái ăn, khi nào bà Y về quê thì lấy lại để sử dụng. Bà L nói rằng, bà không hề bán đất cho bà X, đến khi bà L đau yếu và trước khi chết bà L vẫn trăn trối lại với em bà là bà Dương Thị Đ là khi nào bà Y về quê thì bảo bà Y lấy lại phần đất cho bà X mượn để hương khói cho ông bà, làm nhà ở và trồng trọt. Lúc đó vì hoàn cảnh của bà Y khó khăn, không được ăn học, gia đình thờ cúng liệt sĩ và Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, nên khi nghĩ hưu bà Y chưa về quê được mà vẫn ở lại nông trường Cồn Tiên để làm thuê. Đến nay khi tuổi già thì bà Y quyết định về quê và thực hiện theo ý nguyện của bà L. Bà Y đề nghị bà X trả lại đất nhưng bà X không đồng ý. Thửa đất này theo di nguyện của bà L là để lại cho bà Y nên bà Y là người được toàn quyền sở hữu và sử dụng đối với thửa đất này. Vì vậy bà Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X. Bà Y đề nghị bà X trả lại phần diện tích đất 2708m^2 tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7, toạ lạc tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Bà không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án nhưng bà có đề nghị đưa bà Dương Thị Đ, sinh năm 1954 và ông Dương Hữu L, sinh năm 1966; đều cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị tham gia vào trong vụ án với tư cách là người làm chứng.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 20/5/2024, 25/5/2024, 27/5/2024 và 17/6/2024 ông Lương Duy T, ông Lương D, ông Lương B, bà Lương Thị Kim N, ông Lương C, ông Lương T, Lương Y, Lương M đều trình bày: Về nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp giữa bà Dương Thị X và bà Dương Thị Y được hộ gia đình bà X sử dụng từ năm 1976 đến nay. Quá trình sử dụng không có tranh chấp với các hộ liền kề. Đến năm 2021, bà Y có đơn gửi đến UBND xã B đòi hộ gia đình bà X phải trả lại mãnh đất này cho bà Y. Họ thấy rằng, yêu cầu của bà Dương Thị Y là không có căn cứ. Vì

vậy đề nghị Tòa án xem xét, không chấp nhận yêu cầu của bà Y. Đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong xem xét công nhận toàn bộ diện tích đất đanh tranh chấp theo kết quả Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2024 cho hộ gia đình bà X được tiếp tục quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Dương Thị Y chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đanh tranh chấp này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 91 Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính Phủ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị X. Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Dương Thị X tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7, có diện tích theo kết quả Tòa án đã thẩm định thực tế ngày 21/02/2024 là 2.681,5m^2, địa chỉ thửa đất tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Đồng thời buộc bà Dương Thị Y chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Dương Thị X đối với thửa đất này. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Dương Thị Y phải hoàn trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho bà Dương Thị X. Về án phí: Bà Dương Thị Y là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[**1.1**] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn bà Dương Thị X và bị đơn bà Dương Thị Y tranh chấp với nhau về quyền sử dụng đất. Theo đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở sử dụng đất của nguyên đơn đối với thửa đất số: 602, tờ bản đồ số 7; diện tích: 2.681,5m^2, toạ lạc tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18/6/2024. Tại phiên tòa ngày

ngày 18 tháng 6 năm 2024, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Bình, bà Lương Thị Kim Ngọc và người làm chứng ông Lê Văn Hoàng nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 03 tháng 7 năm 2024. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con của bà X vắng mặt lần thứ hai nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; người làm chứng là ông Lê Văn Hoàng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X về việc đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7 có diện tích 2.681,5m^2 tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình bà Dương Thị X là hợp pháp. Buộc bà Dương Thị Y chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

[2.1] Về nguồn gốc đất, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị X cho rằng nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất khoảng 3600m^2 do bà Dương Thị Lai đã bán cho gia đình bà X từ năm 1976. Hiện nay thửa đất số 322, tờ bản đồ số 5 có diện tích 883m^2 (thửa đất này là một phần trong tổng diện tích khoảng 3600m^2) có vị trí tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, đã được UBND huyện Triệu Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0149/QSDĐ/313/QĐ-UB vào năm 2001. Diện tích còn lại theo số liệu Tòa án thẩm định ngày 21/02/2024 là 2.681,5m^2 thuộc thửa đất số: 602, tờ bản đồ số 7, toạ lạc tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, hiện bà X là người sử dụng và trồng trọt hoa màu hằng năm. Thửa đất này gia đình bà X quản lý và sử dụng từ năm 1976 cho đến năm 2021 thì xảy ra tranh chấp với bà Y. Phía bị đơn bà Dương Thị Y cho rằng: Thửa đất đang tranh chấp là do ông bà, bố mẹ bà Y khai khẩn để trồng trọt, sau đó giao lại cho bà Lai. Năm 1976, bà Lai có cho bà X mượn một phần nhỏ của mảnh đất để trồng khoai. Đối với thửa đất đang tranh chấp hiện đang trồng khoai, đậu, trồng dương, tràm; thửa đất này bà Lai không bán cho bà X mà chỉ cho mượn một phần nhỏ để trồng trọt, phần còn lại bà Lai vẫn trồng trọt cho đến khi đau yếu và chết, trước khi chết bà Lai có nói sẽ để lại đất cho bà Y. Căn cứ vào ý kiến của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà X và bà Y đều không đưa ra được các giấy tờ chứng minh nguồn gốc đối với diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2024 cho thấy trên đất không có tài sản gì của bà Dương Thị Lai và bà Dương Thị Y. Người đang sử dụng đất này là bà Dương Thị X và các tài sản trên đất đều là của bà X như hoa màu trồng hằng năm, cây tràm. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại UBND xã Triệu An ngày 20/5/2024, xác định: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa bà X và bà Y thì thực tế gia đình bà X đã sử dụng từ năm 1976 đến nay, đất chủ yếu là trồng cây hằng năm (lúa, đậu, sắn) và trồng tràm. Năm 1996, bà Dương Thị X có kê khai thửa đất này và được Sở tài nguyên và Môi trường đo đạc quy chủ cho bà X và cập nhật vào Sổ mục kê lập năm 1998 có diện tích là 2.277m^2 thuộc thửa số 370, tờ bản đồ số 05; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C. Năm 2012, bà X có kê khai, đo đạc lại thửa đất này và được cập

nhật vào Sổ mục kê năm 2018, thửa đất có số thửa 602, tờ bản đồ số 07, diện tích 2682m^2. Như vậy, mặc dù gia đình bà Lai là người khai hoang, sử dụng đất từ trước năm 1976 nhưng đã giao lại đất cho bà X sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay là có căn cứ.

[2.2] Về việc sử dụng đất: Gia đình bà X đã quản lý và sử dụng thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7 có diện tích 2.681,5m^2 tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị từ năm 1976. Quá trình gia đình bà X quản lý và sử dụng đất thì bà L và bà Y (bà L chết năm 2014) đều biết rõ nhưng không có tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã B và những người làm chứng là những người sống ở địa phương đều xác định gia đình bà X quản lý và sử dụng thửa đất tranh chấp nói trên trong thời gian dài như bà X đã nêu. Quá trình sử dụng đất, gia đình bà X đã có san lấp hố bom diện tích khoảng 400m^2, bà X cũng đã kê khai thửa đất tranh chấp này với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 170 Luật đất đai năm 2013. Ngược lại bà L lại không có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không quản lý, sử dụng đất và hiện tại trên thửa đất không có tài sản gì của bà L hay bà Y.Việc không sử dụng đất, để đất hoang hóa, sử dụng đất mà không đăng ký kê khai được xem là những hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 3, 6 Điều 12, khoản 1 Điều 95 Luật đất đai năm 2013. Việc không sử dụng đất trồng cây hàng năm trong thời hạn 12 tháng liên tục được xem là vi phạm pháp luật về về đất đai và thuộc trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2013. Về phía bị đơn, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Y cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình về việc bà L có sử dụng thửa đất đang tranh chấp đã khai hoang từ trước năm 1976. Như vậy, bà Dương Thị X có thời gian quản lý, sử dụng đất trên 40 năm, có công sức cải tạo gìn giữ, đăng ký kê khai, theo quy định tại Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, hộ gia đình bà X có đủ điều kiện để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7 có diện tích 2681,5m^2 tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Từ những căn cứ được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X là có căn cứ pháp luật. Do đó, chấp nhận yêu yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X về việc đề nghị Tòa án: Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7 có diện tích 2.681,5m^2 tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp cho hộ gia đình bà Dương Thị X. Đồng thời buộc bà Dương Thị Y chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất của hộ gia đình bà X. Hộ gia đình bà X có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Xét ý kiến của bị đơn bà Dương Thị Y về việc yêu cầu Tòa án: buộc bà X trả lại phần diện tích đất 2.708m^2 tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7, toạ lạc tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị cho bà Y. Như đã nhận định ở trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà Y không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận.

[**4]** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị X được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Dương Thị Y phải chịu khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2024 với số tiền là 3.382.000 đồng theo quy

định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị X đã nộp số tiền này. Do đó, cần buộc bà Dương Thị Y phải hoàn trả cho bà Dương Thị X số tiền 3.382.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Dương Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà Dương Thị Y là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Dương Thị Y theo quy định tại Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12, 64, 95, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị X về việc: Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 7 có diện tích 2.681,5m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp cho hộ gia đình bà Dương Thị X (có sơ đồ hiện trạng ranh giới thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện Triệu Phong ngày 20/5/2024 kèm theo). Buộc bà Dương Thị Y chấm dứt hành vi cản trở việc quản lý và sử dụng đất của hộ bà Dương Thị X. Hộ gia đình bà Dương Thị X có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Dương Thị Y phải hoàn trả cho bà Dương Thị X số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.382.000 đồng *(ba triệu ba trăm tám mươi hai ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: bà Dương Thị Y là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lương M, ông Lương D, ông Lương Duy T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Lương Y, ông Lương B, bà Lương Thị Kim N, ông Lương C, ông Lương T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi Cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Đăng Khoa